

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HS-ST
Ngày 21 tháng 02 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Rỡ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Trí Thiện và ông Dương Văn Luỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Cẩm Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2025/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2025, đối với các bị cáo:

1/ Phan Văn H, sinh ngày 01/01/1974; nơi sinh huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn G (đã chết) và bà La Ngọc P (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1988 (ly hôn năm 2014);

Nhân thân: Tại Bản án số 96/HS-ST ngày 09/11/1999, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xử phạt 09 tháng tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng” đến ngày 20/5/2000 chấp hành xong hình phạt và đến ngày 03/5/2024 nộp án phí hình sự; Tại Bản án số 03/2019/HS-ST ngày 15/3/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm tù, về tội “trộm cắp tài sản” đã chấp hành xong hình phạt và đã nộp án phí hình sự; Tại Bản án số 81/2024/HS-ST ngày 19/9/2024, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “trộm cắp tài sản”;

Tiền án; tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện P (có mặt).

2/ Lê Quốc D, sinh ngày 07/7/1990 tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú:

ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị H1.

Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện P (có mặt).

Bị hại:

1. Nguyễn Công T1, sinh năm 1963; Nơi cư trú: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (có mặt)

2. Võ Thị Ngọc Á, sinh năm 1986; Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt)

3. Từ Văn T2, sinh năm 1984; Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt)

4. Ngô Thị D1, sinh năm 1973; Nơi cư trú: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (có mặt)

- *Người làm chứng:* Lê Thị Ngọc Đ (có mặt). Nguyễn Tấn P1; Hồ Văn T3; Nguyễn Thế D2; Bùi Đình T4; Nguyễn Phước D3; Ngô Văn H2; Trương Văn Thuyền E (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 08/7/2024, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Blade, màu đen bạc, biển số 67K1 – 677.33 chở D đến huyện P, tỉnh An Giang tìm tài sản để lấy trộm. Khi đến kho vật liệu xây dựng Út T5 thuộc khu vực ấp B, xã P, huyện P, H thấy xe mô tô hiệu Honda, loại Future Fi, màu xám ghi, biển số 67K1 – 307.36 của ông Nguyễn Công T1 đang dựng trước cửa kho, không người trông giữ, H và D đậu xe cách vị trí dựng xe của ông T1 khoảng 25 mét, D ngồi trên xe cảnh giới, còn H đi bộ lại xe ông T1, dùng cây cờ lê lực có gắn thanh kim loại bẻ khóa ổ xe rồi khởi động xe chạy đi, lúc này D thấy H chạy xe đi nên chạy theo. Cả hai đi đến khu vực bến xe T thuộc phường T, thị xã T, tỉnh An Giang bán xe vừa trộm được cho người đàn ông tên C (không rõ họ, địa chỉ) được 5.000.000 đồng, Hoàng chia D 1.500.000 đồng, rồi cả hai đi về nhà.

Khoảng 06 giờ ngày 23/9/2024, H tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 67K1 – 677.33 chở D đi lấy trộm tài sản. Khi đến khu vực chợ B thuộc ấp B, xã P, H thấy xe mô tô hiệu Honda, loại Future Fi, màu đỏ đen, biển số 67K2-128.26, của bà Ngô Thị Diễm D4 trước lòng chợ, không người trông giữ, H và D đậu xe cách vị trí xe bà D1 khoảng 10 mét, D ngồi trên xe cảnh giới, H đi bộ lại xe bà

D1, dùng dụng cụ bẻ khóa xe, đề máy chạy đi đến thị xã T bán xe vừa trộm cho C được 7.000.000 đồng, Hoàng chia D 2.000.000 đồng, rồi cả hai đi về nhà.

Đến khoảng 05 giờ 30 phút ngày 27/9/2024, H và D tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 67K1 - 677.33 đến khu vực ấp B, xã P, huyện P để tìm tài sản lấy trộm thì bị lực lượng Công an mời làm việc, D đầu thú và thừa nhận toàn bộ hành vi lấy trộm tài sản cùng với H như đã nêu trên. Ngoài ra, D còn tự thú về hành vi trộm cắp tài sản khác cùng H, cụ thể:

Khoảng 08 giờ ngày 20/8/2024, H điều khiển xe mô tô biển số 67K1 - 677.33 chở D tìm tài sản lấy trộm. Khi đến khu vực khóm T, thị trấn P, H thấy xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu trắng đen bạc, biển số 59T2 - 515.03, của Võ Thị Ngọc A dựng trong trụ sở Công an huyện P nên H và D đậu xe cách vị trí xe của chị A khoảng 10 mét, D ngồi trên xe cảnh giới, H đi bộ lại xe chị A, dùng dụng cụ bẻ khóa xe điều khiển đến thị xã T bán xe vừa trộm cho C được 6.000.000 đồng, Hoàng chia D 2.000.000 đồng, rồi cả hai đi về nhà.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, biển số: 67K1 – 677.33, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Trương Văn T6 Em; 01 giấy mua bán xe mô tô biển số 67K1-677.33

- 01 (một) mũ bảo hiểm; 01 (một) cái áo khoác; 01 (một) đoạn kim loại dài 5,8cm; 01 (một) đoạn kim loại dài 06cm; 01 (một) đoạn kim loại dài 08cm; 01 (một) cây cờ lê lực hiệu BARKER U.S.A CR-V 8mm; 01 (một) cái áo sơ mi dài tay, màu xanh; 01 (một) cái áo sơ mi dài tay, màu tím có hoa văn.

Tại Kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐG.TTHS ngày 24/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện P kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future Fi, màu xám ghi, số khung RLHJC5382EY026988, số máy JC54E2040215, biển số 67K1 - 307.36, đã qua sử dụng, trị giá **11.500.000 đồng**.

Tại Kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐG.TTHS ngày 04/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện P kết luận: 01 xe mô tô biển số 59T2 - 515.03, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu trắng đen bạc, số khung RLHJA3925MY460124, số máy JA39E2485374, đã qua sử dụng, trị giá **12.000.000 đồng**; 01 xe mô tô biển số 67K2 - 128.26, nhãn hiệu Honda, loại Future Fi, màu đỏ đen, số khung RLHJC7656PY150603, số máy JC90E04844712, đã qua sử dụng, trị giá **25.000.000 đồng**.

Tổng trị giá tài sản 48.500.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị mất với tổng số tiền 48.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 05/CT-VKSPT ngày 15 tháng 01 năm 2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đã truy tố Phan Văn H và Lê Quốc D về

tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo H và bị cáo D khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên.

Các bị hại yêu cầu: Về trách nhiệm hình sự xử lý theo pháp luật, về trách nhiệm dân sự yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị tài sản đã mất theo giá trị đã định.

Những người làm chứng Nguyễn Tấn P1; Hồ Văn T3; Nguyễn Thế D2; Lê Thị Ngọc Đ; Bùi Đình T4; Nguyễn Phước D3; Ngô Văn H2; Trương Văn Thuyên E trình bày phù hợp với nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phan Văn H từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, miễn áp dụng hình phạt bổ sung và tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù tại bản án số 81/2024/HS-ST ngày 19/9/2024 của Toà án nhân dân quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Quốc D từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, miễn áp dụng hình phạt bổ sung;

Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu xung vào Ngân sách nhà nước 01 xe mô tô, biển số 67K1-677.33 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Trương Văn T6 Em.

Tịch thu tiêu huỷ các vật chứng sau: 01 (một) mũ bảo hiểm, màu đen bạc; 01 (một) cái áo khoác, màu xám; 01 (một) đoạn kim loại dài 5,8cm, có 01 đầu lục giác và 01 đầu dẹt, có mũi nhọn; 01 (một) đoạn kim loại dài 06cm, có 01 đầu lục giác và 01 đầu dẹt, có mũi nhọn; 01 (một) đoạn kim loại dài 08cm, có 01 đầu lục giác và 01 đầu dẹt, có mũi nhọn; 01 (một) cây cờ lê lực hiệu BARKER U.S.A CR-V 8mm; 01 (một) cái áo sơ mi dài tay, màu xanh; 01 (một) cái áo sơ mi dài tay, màu tím có hoa văn.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự, Điều 48 Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Phan Văn H và Lê Quốc D có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Công T1 số tiền 11.500.000 đồng, bồi thường cho bị hại Ngô Thị D1 số tiền 25.000.000

đồng, bồi thường cho bị hại Võ Thị Ngọc Á và Từ Văn T2 số tiền 12.000.000 đồng.

Bị cáo H và D không tranh luận, lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều thực hiện đúng pháp luật.

- Tại phiên tòa, bị hại Từ Văn T2 và Võ Thị Ngọc Á và những người làm chứng dù đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ những vẫn vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Phan Văn H và Lê Quốc D đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 14 giờ ngày 08/7/2024, tại khu vực ấp B, xã P, huyện P, Phan Văn H và Lê Quốc D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Future Fi, màu xám ghi, biển số 67K1 – 307.36, của ông Nguyễn Công T1, có giá trị 11.500.000 đồng.

Khoảng 08 giờ ngày 20/8/2024, tại khu vực khóm T, thị trấn P, huyện P (trong trụ sở Công an huyện P), Phan Văn H và Lê Quốc D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu trắng đen bạc, biển số 59T2 - 515.03, của chị Võ Thị Ngọc Á và anh Từ Văn T2, có giá trị 12.000.000 đồng.

Khoảng 06 giờ ngày 23/9/2024, tại khu vực ấp B, xã P, huyện P, Phan Văn H và Lê Quốc D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Future Fi, màu đỏ đen, biển số 67K2-128.26, của bà Ngô Thị D1, có giá trị 25.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo H và bị cáo D đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân chia vai trò từ trước. Các bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Lẽ ra phải lao động tích cực, rèn luyện tu dưỡng để trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội. Nhưng ngược lại, vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động nên các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với lỗi cố ý. Do đó, cần phải có hình phạt tương xứng với mức độ nghiêm trọng của tội phạm.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do cố ý hai lần trở lên, thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo D còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 do bị cáo tự thú.

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xét xử thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo H có nhân thân xấu, nhiều lần bị xét xử về hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác. Trong vụ án này bị cáo là người chủ mưu, chuẩn bị công cụ và phương tiện phạm tội và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Còn bị cáo D là người cảnh giới, bị cáo lại có thêm tình tiết tự thú và có nhân thân tốt nên mức hình phạt thấp hơn bị cáo H cũng đảm bảo tính răn đe đối với bị cáo và để thấy sự khoan hồng của pháp luật.

Do đó tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét thấy, các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với xe mô tô hiệu Honda biển số: 67K1 – 677.33 là tài sản của bị cáo H còn giá trị sử dụng, các bị cáo sử dụng xe này làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu xung vào ngân sách Nhà nước kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Trương Văn T6 Em.

+ Đối với 01 (một) đoạn kim loại dài 5,8cm; 01 (một) đoạn kim loại dài 06cm; 01 (một) đoạn kim loại dài 08cm; 01 (một) cây cờ lê; 01 (một) cái áo sơ mi dài tay, màu xanh; 01 (một) cái áo sơ mi dài tay, màu tím có hoa văn; 01 (một) cái áo khoác, màu xám; 01 (một) mũ bảo hiểm, màu đen bạc là công cụ mà các bị cáo dùng để thực hiện hành vi trộm cắp, không còn giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị mất trộm 48.500.000 đồng. Hành vi trộm cắp tài sản mà bị cáo H và bị cáo D thực hiện đã gây thiệt hại về tài sản cho các bị hại, các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường. Do đó các bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường là có căn cứ. Căn cứ Điều 586, Điều 587 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử buộc bị cáo H và bị cáo D có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Nguyễn Công T1 số tiền 11.500.000 đồng; liên đới bồi thường Ngô Thị D1 số tiền 25.000.000 đồng; liên đới bồi thường Võ Thị Ngọc A và Từ Văn T2 số tiền 12.000.000 đồng.

[10] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với người tên C mua xe của hai bị cáo lấy trộm, do không rõ họ tên, năm sinh và địa chỉ nên đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phan Văn H và bị cáo Lê Quốc D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 56; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo **Phan Văn H** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù tại Bản án số 81/2024/HS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ. Hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 4 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 27/9/2024).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi,

bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo **Lê Quốc D** 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 27/9/2024).

Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại Blade, màu Đen Bạc, số khung: 362XEY105858, số máy: JA36E0167382, biển số: 67K1 – 677.33, đã qua sử dụng (qua kiểm tra thực tế: xe có màu đen – đỏ, chưa kiểm tra chất lượng bên trong) kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Trương Văn T6 Em.

+ Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) mũ bảo hiểm, màu đen bạc; 01 (một) cái áo khoác, màu xám; 01 (một) đoạn kim loại dài 5,8cm, có 01 đầu lục giác và 01 đầu dẹt, có mũi nhọn; 01 (một) đoạn kim loại dài 06cm, có 01 đầu lục giác và 01 đầu dẹt, có mũi nhọn; 01 (một) đoạn kim loại dài 08cm, có 01 đầu lục giác và 01 đầu dẹt, có mũi nhọn; 01 (một) cây cò lê lực hiệu BARKER U.S.A CR-V 8mm; 01 (một) cái áo sơ mi dài tay, màu xanh; 01 (một) cái áo sơ mi dài tay, màu tím có hoa văn.

Hiện vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân quản lý theo biên bản giao nhận ngày 17/01/2025 và biên bản giao nhận ngày 20/02/2025.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự. Bị cáo Phan Văn H và bị cáo Lê Quốc D có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Nguyễn Công T1 số tiền 11.500.000 đồng; liên đới bồi thường Ngô Thị D1 số tiền 25.000.000 đồng; liên đới bồi thường Võ Thị Ngọc A và Từ Văn T2 số tiền 12.000.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ vào Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phan Văn H và bị cáo Lê Quốc D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo H và bị cáo D phải chịu 2.425.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 333, Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Công an huyện Phú Tân;
- CQTHAHS Công an huyện Phú Tân;
- Nhà tạm giữ - Công an huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Rỡ

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

